TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CƯ KUIN** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/DS-ST
Ngày: 18/8/2017
V/v "Tranh chấp hợp đồng dân sự"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Văn Công Cường

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Dương Điềm và ông Phạm Hồng Phú

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Phương Dung - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 18/8/2017, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2017/TLST-DS ngày 22 tháng 5 năm 2017, về việc "Tranh chấp hợp đồng dân sự" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2017/QĐXXST-DS ngày 21/7/2017, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ông Nguyễn Minh T, sinh năm 1949

Địa chỉ: Thôn Pleirơhai II, phường L, thành phố K, tỉnh Kom Tum *(Có mặt)*

*** Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn Th, sinh năm 1976

Địa chỉ: Thôn 22, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn ông Nguyễn Minh T trình bày như sau:

Ông Nguyễn Minh T và anh Nguyễn Văn Th có mối quan hệ cha con. Ngày 10/6/2015, giữa ông T và anh Th có thỏa thuận viết "Giấy nhận nợ" trong đó thể hiện nội dung anh Th còn nợ lại ông T số tiền 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)*, hẹn sau khi chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (là con gái của ông T) xong thì anh Th sẽ có trách nhiệm thanh toán số tiền này cho ông T. Hiện nay việc sang nhượng đất như thỏa thuận giữa các bên đã xong nhưng anh Th vẫn không thanh toán số tiền 45.000.000 đồng (bốn mươi lăm triệu đồng) cho ông T, mặc dùng ông T đã đòi nhiều lần nhưng không có kết quả.

Vì vậy, ông Nguyễn Minh T khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Văn Th phải có nghĩa vụ trả số tiền 45.000.000 đồng, không yêu cầu phải trả lãi suất.

Ông T cũng cho rằng việc anh Th còn nợ ông số tiền 45.000.000 đồng không liên quan gì đến chị Nguyễn Thị T hay chị Trần Hải L, là vợ anh Th. Nên nguyên đơn xác định chỉ khởi kiện đối với anh Th.

Ngoài chứng cứ là "Giấy nhận nợ" đã giao nộp cho Tòa án, nguyên đơn không còn chứng cứ nào khác. Tại phiên tòa nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

* Quá trình tham gia tố tụng bị đơn anh Nguyễn Văn Th khai như sau:

Anh Nguyễn Văn Th thừa nhận anh và ông Nguyễn Minh T có thỏa thuận việc sang nhượng đất và khi nào đất được sang tên cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (là con gái của ông T) thì anh Th sẽ có trách nhiệm thanh toán cho ông T số tiền là 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)*. Nội dung thỏa thuận này được thể hiện trong "Giấy nhận nợ" ngày 10/6/2015. Anh Th thừa nhận nội dung "Giấy nhận nợ" ngày 10/6/2015 do ông T giao nộp cho Tòa án để khởi kiện là do anh viết và chữ ký, chữ viết tên "Nguyễn Văn Th" cũng do anh Th ký và viết ra.

Tuy nhiên anh Th cho rằng số tiền 45.000.000 đồng anh nợ ông T anh đã trả cho ông Th mỗi lần một ít và cũng trả gần đủ số tiền này. Do mối quan hệ cha con nên mỗi lần trả nợ, anh và ông T không thực hiện việc lập giấy tờ biên nhận gì, nên anh Th không thể cung cấp tài liệu, chứng cứ gì cho Tòa án để chứng minh việc trả nợ của mình.

Nay ông T khởi kiện yêu cầu trả số tiền 45.000.000 đồng, anh Th không đồng ý và hiện tại anh cho rằng anh cũng không có khả năng trả nợ cho ông T.

* Tại bản tự khai ngày 17 tháng 7 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị T là con gái của ông T, là em ruột của anh Th. Việc ông T và anh Th có thỏa thuận sang nhượng đất cho chị Nguyễn Thị T là đúng thực tế, hiện nay thửa đất các bên thỏa thuận đã được sang tên cho chị T. Tuy nhiên việc anh Th nợ ông T số tiền 45.000.000 đồng thì chị T xác định chị không biết và không liên quan đến sự việc này và chị từ chối tham gia tố tụng.

* Tại bản tự khai ngày 17 tháng 7 năm 2017, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, chị Trần Hải L trình bày:

Chị L là vợ của anh Nguyễn Văn Th. Việc anh Nguyễn Văn Th thỏa thuận nợ ông Nguyễn Minh T số tiền 45.000.000 đồng từ khi nào và sử dụng vào mục đích gì chị L không biết, không liên quan gì vào việc chung của gia đình. Chị xét thấy chị không liên quan đến sự việc này nên từ chối tham gia tố tụng.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin phát biểu:

Thẩm quyền thụ lý vụ án: Ban đầu Tòa án xác định quan hệ pháp luật là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* trên cơ sở giấy nhận nợ để thụ lý vụ án là có

căn cứ, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án xác định được anh Th nợ ông T số tiền 45.000.000đ là do quá trình thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, ông T đã làm thủ tục sang tên xong nhưng anh Th vẫn chưa trả hết tiền cho ông T do đó ngày 10/6/2015 hai bên đã xác lập giấy nhận nợ, theo đó anh Th nợ ông T số tiền là 45.000.000đồng, như vậy tranh chấp giữa ông T và anh Th xuất phát từ việc anh Th vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền theo hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất không phải từ giao dịch vay tài sản. Do đó trong Quyết định đưa vụ án ra xét xử xác định *"tranh chấp hợp đồng dân sự"* là đúng với nội dung vụ việc.

Vấn đề thu thập chứng cứ: Thu thập giấy nhận nợ; lấy lời khai của các đương sự đúng theo quy định tại Điều 96, 97, 98 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (viết là HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn sau khi đã có lời khai tại Tòa án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập để tiến hành đối chất, hòa giải nhiều lần nhưng bị đơn vẫn cố tình vắng mặt là vi phạm quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình.

Về quan điểm, đường lối xử lý đối với vụ án:

Anh Th chỉ thừa nhận còn nợ ông T một số ít tiền nhưng không xác định là bao nhiêu và cũng không có chứng cứ chứng minh là đã trả cho ông T bao nhiêu tiền; chữ ký và chữ viết trên "Giấy nhận nợ" đề ngày 10/6/2015 thì anh Th đã xác định là do anh viết và ký nên ông T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Th có trách nhiệm trả cho ông T số tiền 45.000.000đồng là có căn cứ.

Áp dụng Điều 414 Bộ luật dân sự năm 2005: Chấp nhận yêu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T. Buộc bị đơn là ông Nguyễn Văn Th có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 45.000.000đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết:

Quan hệ pháp luật: Xét việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn liên quan đến việc thực hiện hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị T (con gái ông T) nên đây không phải là quan hệ "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" mà là tranh chấp về hợp đồng dân sự theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Vì vậy HĐXX xác định lại quan hệ tranh chấp của các bên là "tranh chấp về hợp

đồng dân sự". Do đó ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tại phiên tòa là phù hợp cần chấp nhận.

Về thẩm quyền giải quyết: Xét yêu cầu của nguyên đơn thì đây là "*tranh chấp hợp đồng dân sự*", mặt khác hiện nay bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống, làm việc tại thôn 22, xã E, huyện C nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, do đó Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn Th đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do và không có yêu cầu phản tố, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt anh Th là phù hợp.

[3] Về nội dung:

Ngày 10/6/2015, giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận viết "Giấy nhận nợ" trong đó thể hiện nội dung bị đơn còn nợ lại nguyên đơn số tiền 45.000.000 *đồng (Bốn mươi lăm triệu đồng)*, hẹn sau khi sang tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1979 (là con gái của nguyên đơn) xong, bị đơn sẽ có trách nhiệm thanh toán hết số tiền này cho nguyên đơn. Hiện nay các bên thừa nhận việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất như hai bên thỏa thuận đã được đứng tên chị Th nhưng đến nay bị đơn vẫn chưa thanh toán số tiền còn thiếu là 45.000.000 đồng cho nguyên đơn là vi phạm sự thỏa thuận giữa hai bên, vi phạm nguyên tắc thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 412 và 414 Bộ luật dân sự năm 2005, xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên việc nguyên đơn khởi kiện là có căn cứ.

Anh Nguyễn Văn Th thừa nhận sau khi thực hiện việc sang nhượng đất với ông T thì anh Th còn nợ lại ông T số tiền 45.000.000 đồng nhưng cho rằng anh đã trả cho ông T nhiều lần, mỗi lần một ít và cũng trả gần đủ số tiền này, nhưng vì giữa anh và ông T có mối quan hệ cha con nên có sự tin tưởng, nên mỗi lần trả tiền anh Th và ông T không lập giấy biên nhận gì cho việc trả tiền này. Do đó anh Th không xuất trình, cung cấp được tài liệu, chứng cứ gì chứng minh cho việc đã trả tiền cho nguyên đơn nên HĐXX không có căn cứ để xem xét, giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập bị đơn tham gia tố tụng để hòa giải việc tranh chấp nhưng bị đơn cố tình vắng mặt nhiều lần và cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần hai là thể hiện sự thiếu thiện chí trong việc thống nhất số tiền sang nhượng đất còn thiếu, trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Về phía nguyên đơn không thừa nhận việc trả nợ như bị đơn trình bày nên HĐXX căn cứ vào Điều 412 và 414 Bộ luật dân sự năm 2005 chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa. Buộc bị đơn anh Nguyễn Văn Th phải có trách nhiệm trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền là 45.000.000 đồng. Đối với lãi suất nguyên đơn không yêu cầu nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông T khẳng định việc anh Th nợ ông T số tiền 45.000.000 đồng không liên quan gì đến chị Nguyễn Thị T(con của ông T) và chị Trần Hải L (vợ của anh Th). Mặt khác chị T và chị L cũng khẳng định việc anh Th nợ ông T 45.000.000 đồng từ việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất, các chị không biết và không liên quan đến sự việc này, vì vậy chị T và chị L từ chối tham gia tố tụng và đề nghị Tòa án không triệu tập để tham gia tố tụng xét thấy là phù hợp nên HĐXX không đề cập đến.

[4] Về án phí:

Do toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí DSST theo quy định của pháp luật là: 45.000.000 đồng x 5% = 2.250.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 144, 147, 203, 220, 227, 228, 235, 266 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 412, Điều 414 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Minh T.

Buộc ông Nguyễn Văn Th có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Minh T số tiền 45.000.000 đồng *(Bốn mươi lăm triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn Th phải chịu 2.250.000 đồng *(Hai triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Minh T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 1.125.000 đồng *(Một triệu một trăm hai mươi lăm nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai số AA/2016/0000012 ngày 18 tháng 5 năm 2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên toà được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật THADS thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật THADS; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật THADS./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

VĂN CÔNG CƯỜNG

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Cư Kuin;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

VĂN CÔNG CƯỜNG